

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA
ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Hồng Thắm
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tú– Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 20212 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hồ Thị Ngọc Nh, sinh năm:1993

Nơi cư trú: Khóm An Hòa, thị trấn Ba Ch, huyện Tri T, tỉnh An Giang

Tạm trú: số 29, tổ 60B, đường số 01, khóm Bình Đ,phường Bình Đ, thành phố Long X, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ Ph, sinh năm:1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Phú H 1, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm:1971 (vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm:1971(vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp Phú Hòa 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 27/12/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc Nh trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Ph kết hôn vào năm 2011, hôn nhân do tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân. Có chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 131/2012, quyền số I/2012 ngày 20/7/2012. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cự cãi nhau không hạnh phúc. Chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống từ tháng 8/2012 cho đến nay. Giữa chị và anh Ph ly thân từ tháng 8/2012 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị không còn tình cảm với anh Ph yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hồ Bảo Tr sinh ngày 30/8/2012. Hiện cháu Tr đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

- Về tài sản chung: Sau khi cưới vợ chồng có tài sản chung 10 chỉ vàng 9999(vàng cưới), số vàng hiện do bà Tr đang quản lý. Khi ly hôn chị yêu cầu bà Tr, ông T (cha mẹ anh Ph) trả lại cho chị $\frac{1}{2}$ vàng cưới cụ thể là 05 chỉ vàng cưới cho chị theo quy định pháp luật

-Về nợ chung: không có

* *Bị đơn anh Nguyễn Vũ Ph:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Ph không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nh.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc Nh có đơn xin xét xử vắng mặt và đơn rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung cùng ngày 21/7/2022. Nội dung thể hiện: Chị xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Thùy Tr, ông Nguyễn Ngọc T về chia tài sản chung số vàng cưới. Chị yêu cầu ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng con chung

- Bị đơn anh Nguyễn Vũ Ph vắng mặt tại phiên tòa không lý do

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thùy Tr vắng mặt tại phiên tòa không lý do

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về việc chấp hành pháp luật*: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc Nh về hôn nhân, con chung và cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nh đối với ông T, bà Tr về yêu cầu trả lại ½ số vàng cưới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Hồ Thị Ngọc Nh có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, An Giang giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ biên bản minh họ khẩu thường trú của anh Ph ngày 26/5/2022 tại Công an xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thể hiện anh Ph, ông T và bà Tr (cha mẹ Ph) vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương tổ 5, ấp Phú Hòa 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, An Giang và hiện có mặt tại địa phương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về quyền, nghĩa vụ của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Vũ Ph, bà Nguyễn Thị Thùy Tr và ông Nguyễn Ngọc T được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần trong quá trình tố tụng như: phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ. Nhưng phía bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: không có văn bản trình bày ý kiến; Không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Anh Nguyễn Vũ Ph, bà Nguyễn Thị Thùy Tr và ông Nguyễn Ngọc T đã thể hiện sự không tôn trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như từ bỏ quyền và không thực hiện các nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định tại các Điều 70; Điều 72, Điều 73 BLTTDS 2015. Ngoài ra, Tòa án tiến hành một số biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ trong vụ án như lấy lời khai bà Tr, anh Ph vào ngày 29/6/2022, nhưng

không tiến hành lấy lời khai được do các đương sự không có mặt vào thời điểm Tòa án tiến hành lấy lời khai.

1.4 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Các thủ tục tố tụng của Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai anh Ph, ông T, bà Tr đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc Nh có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/7/2022. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà Nh, anh Ph, ông T và bà Tr

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa chị Nh với anh Ph có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 131, quyển số I/2012 ngày 20/7/2012, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án ban hành thông báo về việc cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ gửi đến anh Ph để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh, anh Ph. Mục đích tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ; Nhưng anh Ph vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Đồng thời, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ cụ thể: Tham khảo ý kiến của UBND xã Bình Hòa nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị; Tại công văn phúc đáp số 215/UBND-TP ngày 27/6/2022 của UBND xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, An Giang thể hiện nội dung: *“nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh chị và có bao nhiêu con chung, điều kiện chăm sóc con chung UBND xã không nắm rõ”*.

Ngoài ra, tại biên bản xác minh mâu thuẫn vợ chồng do cha anh Ph là ông Nguyễn Ngọc T cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày ngày 29/6/2022 thể hiện nội dung: *“sau khi cưới anh chị sống chung tại nhà ông (cha mẹ chồng Nh) Phú Hòa 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, An Giang. Đến khi Nh mang thai được 07 tháng thì về nhà cha mẹ ruột Nh sống cho đến nay; khi Nh sinh nở thì gia đình và Ph đến bệnh viện thăm con dâu, vợ và cháu. Nhưng hai bên gia đình cự cãi, xô xát nên không tới lui nữa; riêng số vàng cưới của vợ chồng Ph, ông và bà Tr không biết, không giữ, vàng cưới đã cho các con trong ngày cưới là của vợ chồng Ph; vợ chồng ông bà không biết, không liên quan trong vụ án. Việc Nh gửi đơn tại Tòa án, Ph biết vì có nhận được các thông báo của Tòa, Ph đọc các thông báo của Tòa án cho ông nghe...vì công việc làm ăn không thể đến Tòa án theo thông báo...riêng*

bà Tr vợ ông hiện lo công việc làm ăn ở thành phố, đến chiều tối về đến nhà, Ph thì lái xe dịch vụ nên thường hay không có mặt ở nhà”

Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy giữa anh Ph, chị Nh chị đã ly thân một thời gian dài từ tháng 8 năm 2012 trong khoảng thời gian ly thân cả hai vẫn không về chung sống với nhau để hàn gắn tình nghĩa vợ chồng, để yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy cả anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của chị Nh có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

Vào ngày 21/7/2022 chị Nh có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút lại yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung do ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thùy Tr đang quản lý số vàng cưới của chị và anh Ph. Việc rút lại yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 5 của BLTTDS nên được HĐXX xem xét theo quy định tại Điều 244 BLTTDS và được đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 217 BLTTDS 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thùy Tr không yêu cầu độc lập trong vụ án nên HĐXX không xem xét

2.2 Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hồ Bảo Trân sinh ngày 30/8/2012, hiện cháu Bảo Trân sống chung với chị Nh. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Vũ Ph không tranh chấp quyền nuôi con và cũng không có ý kiến về con chung. Đồng thời tại văn bản trình bày ý kiến của cháu Bảo Trân ngày 14/7/2022 cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, căn cứ quyền lợi về mọi mặt của con cũng phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, được HĐXX xem xét chấp nhận chị Nh được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hồ Bảo Trân sinh ngày 30/8/2012.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nh yêu cầu anh Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Hồ Bảo Trân sinh ngày 30/8/2012 theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, *“nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con...”*. *“cha, mẹ có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chưa thành niên...”*. Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình: *“cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Đối chiếu với những quy định trên anh Ph là người không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồ Bảo Trân sinh ngày 30/8/2012 sau khi ly hôn nên anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định, không phụ thuộc vào việc anh có đồng ý hay không. Do đó, anh Nguyễn Vũ Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Hồ Bảo Trân sinh ngày 30/8/2012 với số tiền 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm số tiền là 745.000đ/01 tháng

cho tới khi cháu Trân thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình nuôi dưỡng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng hoặc mức cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết trên cơ sở vì lợi ích của con.

2.3 Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung trong thời kì hôn nhân của chị Hồ Thị Ngọc Nh đối với ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thùy Tr

2.4 Về nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Hồ Thị Ngọc Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Vũ Ph phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật

[4] Quyền kháng cáo:

Chị Nh, anh Ph, ông T và bà Tr có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc Nh; chị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Ph

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 131/2012, quyển số I/2012 ngày 20/7/2012 tại UBND xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Chị Hồ Thị Ngọc Nh được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Nguyễn Hồ Bảo Trân sinh ngày 30/8/2012. Chị Nh phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Buộc anh Nguyễn Vũ Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Hồ Bảo Trân sinh ngày 30/8/2012 với số tiền $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm số tiền là 745.000đ/01 tháng cho tới khi cháu Trân đủ 18 tuổi hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình nuôi dưỡng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng hoặc mức cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết trên cơ sở vì lợi ích của con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc Nh đối với ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thùy Tr về chia tài sản chung

4. Về nợ chung: HĐXX không xem xét.

5. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: chị Hồ Thị Ngọc Nh phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 1.050.000đ (một triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002835 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Hoàn trả cho chị Nh số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Buộc anh Nguyễn Vũ Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con

6. Quyền kháng cáo: chị Hồ Thị Ngọc Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/8/2022); Riêng anh Nguyễn Vũ Ph, bà Nguyễn Thị Thùy Tr và ông Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7b, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang